

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470 /2022/HC-PT

Ngày 03 - 10 - 2022

V/v: “*kiếu kiện quyết định hành
chính, hành vi hành chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân H.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt, thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Bà Khúc Thị Hồng Hạnh, kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 108/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 22 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: **9162/2022/QĐPT-HC** ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:*

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1972;

- Bà Nguyễn Thị A1, sinh năm 1974;

Đều trú tại: Khu C, xã X, huyện Y, thành phố H. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Đ; địa chỉ: Số 783 Đại lộ T, phường SH, quận BH, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 20/4/2020). Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ V và bà Vũ T – Luật sư Công ty Luật thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Có mặt luật sư PH tại phiên tòa.

Người bị kiện:

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H: Ông Chu T - Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Ủy ban nhân dân huyện Y, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Y vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y, Ủy ban nhân dân huyện Y theo Văn bản số 3500/UBND - TN&MT ngày 21/12/2020 bao gồm: Ông Vũ B - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y; bà Trần Thị C - Phó giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Y, đều có mặt tại phiên tòa.

+ Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, thành phố H;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã X: Ông Trần N - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X (Theo Thông báo về việc ủy quyền giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân xã X số 26/TB - UBND ngày 14/9/2020), vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Thôn AB, xã X, huyện Y, thành phố H, vắng mặt (có văn bản nêu ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt).

+ Ông Đỗ Văn T; địa chỉ: Thôn Tứ Duy, xã X, huyện Y, thành phố H, vắng mặt.

+ Ông Lê Văn Tuyền – Công chức địa chính xã X, huyện Y, thành phố H, vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị H – Phó Chi cục trưởng Chi cục bảo vệ môi trường thành phố H; địa chỉ: Số 2 PB, quận BH, thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thực hiện Dự án cải tạo nâng cấp, mở rộng Quốc lộ Y đoạn từ cầu X đến C, UBND huyện Y thu hồi đất của nhiều hộ gia đình đang sử dụng đất thuộc phạm vi GPMB. UBND huyện Y đo đạc thực tế và xác định hiện trạng thửa đất vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đang sử dụng thuộc ranh giới GPMB có 14,23m² là đất nền đường cũ (đất hành lang giao thông) nên không bồi thường về đất (được hỗ trợ giá trị 30% tài sản trên đất - sân bê tông); có 12,9m² đất do thuộc phạm vi ranh giới 200m² đất xã giao trái thẩm quyền từ năm 1993 được hỗ trợ 50% với giá đất ở và được bồi thường 100% giá trị tài sản - sân bê tông trên đất. Quyết định thu hồi đất số 1500A/QĐ-UBND ngày 23/3/2017, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung số 1800/QĐ-UBND ngày 10/4/2017 và 7174/QĐ-UBND ngày 27/11/2017.

Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn Bé khiếu nại về diện tích đất thu hồi và giá bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 19/9/2017, UBND huyện Y ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 6054/QĐ-UBND.

Ngày 18/12/2017, Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 trả lời bà A1. Bà A1 tiếp tục khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 giải quyết khiếu nại lần 2 trả lời bà A1.

Ngày 10/4/2020, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 có đơn khởi kiện vụ án hành chính. Nội dung đơn khởi kiện, đơn bổ sung và trình bày của đại diện theo ủy quyền tại Tòa án cấp sơ thẩm, người khởi kiện cho rằng UBND huyện Y do đặc lập sơ đồ tính toán xác định sai làm thiếu diện tích đất thu hồi và bồi thường của gia đình. Lý do người khởi kiện đưa ra là:

Nguồn gốc thửa đất hiện ông A, bà A1 đang sử dụng: Năm 1994, ông ĐXX được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y giao lô số thứ 55 diện tích 200m² (rộng 5m, dài 40m đất), có thu tiền sử dụng đất (ông ĐXX phải nộp 6.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước. Vị trí giao đất từ mép đường Y, tức là từ mép đường tiếp giáp mặt nước khu đầm hoang, cách chỉ giới chân đê 25m, trong 25m chỉ giới chân đê có ngôi mộ cổ nằm gần hết diện tích đất. Từ năm 1995 - 1997, do nắn đường về phía đông nên lô đất của ông ĐXX mất 4m, tương ứng với $5 \times 4 = 20\text{m}^2$. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K451650 ngày 02/12/1997 cho ông ĐXX diện tích là 50m² đất ở (thửa số 02, tờ bản đồ số 12 tại Khu kinh tế mới, xã X). Dự án cải tạo Quốc lộ Y năm 1999 - 2000 ông ĐXX có bị lấy một phần đất nhưng không nằm trong danh sách được bồi thường.

Năm 2008, ông ĐXX đã bán nhà và toàn bộ đất cho vợ chồng bà A1, hai bên có lập hợp đồng, có chứng thực của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền. Theo Giấy nhượng bán nhà đất ngày 01/6/2008 thể hiện: Gian nhà nhỏ trên lô đất sát mép đường Y thuộc Khu kinh tế mới xã X trên lô đất do xã X bán cho ông ĐXX có chiều dài 40m và chiều rộng 5m, diện tích là 200m², phía Nam cách chân đê 25m, phía Bắc giáp Quốc lộ Y, phía Đông, phía Tây giáp các hộ dân. Ngày 23/8/2017, ông Đỗ Văn T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X tổ chức lực lượng xuống cưỡng chế thu hồi đất của gia đình ông A, bà A1 trái pháp luật, ông T đã cho một số đối tượng có hành vi tấn công xâm phạm đến thân thể bà Nguyễn Thị A1.

Theo Sơ đồ tính toán diện tích thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 hộ ông Nguyễn Văn A (chồng bà A1), thì Dự án thu hồi

14,23m² nhưng không bồi thường với lý do là nền đường Y cũ (theo Công văn số 1848 ngày 28/9/2017 của UBND huyện Y); gia đình chỉ được bồi thường 12,9m² đất, là không đúng. Sơ đồ trích đo này đã làm thay đổi chỉ giới quy hoạch đất ở của gia đình, mâu thuẫn với các trích đo số 105 của Ủy ban nhân dân xã X ký ngày 17/3/2009 (cấp GCN cho ông A) , trích đo số 69 năm 1997 (cấp GCN cho ông ĐXK). Ông ĐXK đã chuyển nhượng gia đình bà A1, ông A 200m² đất, trừ diện tích hành lang an toàn đường bộ 17m x 5m = 85m² và trừ diện tích đã cấp bì a đỏ 50m² thì diện tích còn lại là 65m² - Tức là dự án phải bồi thường thêm cho gia đình ông A, bà A1 là 65m² - 12,9m² = 52,1m².

Quyết định số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y về việc cưỡng chế thu hồi đất không nêu rõ cưỡng chế thu hồi đất cụ thể là bao nhiêu mét vuông. Ngày 21/9/2017 ông A, bà A1 mới nhận được Quyết định thu hồi đất số 1500a, trong khi ngày 23/8/2017, ông T và nhóm người đã đến cưỡng chế, đánh đập bà A1. Mặt khác, gia đình ông A, bà A1 chưa có đơn và văn bản gì về việc từ chối giao đất.

Ông A, bà A1 cho rằng các Quyết định giải quyết khiếu nại số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y và Quyết định về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) đối với bà Nguyễn Thị A1 số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đều không đúng; đề nghị Tòa án:

- + Tuyên hủy Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y;

- + Tuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (chồng là ông Nguyễn Văn A) (lần đầu) số 7469/QĐ - UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y;

- + Tuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (lần hai) số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;

- + Tuyên hủy Sơ đồ tính toán diện tích đất thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 (hộ ông Nguyễn Văn A, địa chỉ: Thôn Kênh Trạch, xã X);

- + Tuyên hủy Công văn số 1848/UBND-HĐBTGPMB ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y;

- + Bồi thường bổ sung 52,1m² đất khi thu hồi bồi thường còn thiếu của gia đình ông A, bà A1 theo quy định pháp luật;

+ Bồi thường thiệt hại đối với đất và tài sản thuộc hành lang an toàn cho gia đình của ông A, bà A1 theo Điều 94 Luật Đất đai;

+ Tuyên ông Lê Văn T, bà Đỗ Thị H có hành vi hành chính vi phạm quy định pháp luật vì đã có hành vi tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã X; Ủy ban nhân dân huyện Y thu hồi đất của gia đình bà A1, ông A;

+ Yêu cầu bồi thường chi phí khiếu kiện 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng), trong đó Ủy ban nhân dân xã X phải bồi thường 30.000.000đ; ông Nguyễn Văn V phải bồi thường 30.000.000đ; ông Vũ Văn T phải bồi thường 33.000.000đ;

+ Bồi thường 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tiền tổn thất tinh thần, trong đó Ủy ban nhân dân xã X phải bồi thường 25.000.000đ; ông Nguyễn Văn V phải bồi thường 25.000.000đ; ông Vũ Văn T phải bồi thường 50.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, người khởi kiện rút yêu cầu bồi thường về chi phí khiếu kiện và tiền tổn thất tinh thần; nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện trình bày giữ yêu cầu được bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền theo ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án là 100.000.000 đồng, nhưng không yêu cầu cụ thể người phải bồi thường và yêu cầu xem xét việc Ủy ban nhân dân xã X có hành vi tổ chức cưỡng chế ngày 23/8/2017 không đúng quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện:

Hồ sơ quản lý đất đai được lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã X thể hiện ông ĐXK, bà Đoàn Thị Th được Ủy ban nhân dân xã X giao đất làm nhà ở với diện tích 200m², vị trí lô đất được giao trong khoảng diện tích từ Quốc lộ Y đến mộ dòng họ Nguyễn Bá; đến ngày 02/12/1997, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở diện tích 50m² cho ông ĐXK; đến năm 2009, ông ĐXK (vợ là bà Đoàn Thị Th) đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

Về vị trí, diện tích thu hồi, bồi thường, hỗ trợ để thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015: Trích lục nguồn gốc đất do Ủy ban nhân dân xã X lập ngày 04/01/2017 thể hiện có 14,23m² là phần đất hành lang giao thông giáp với thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn A và có 12,9m² là diện tích đất được Ủy ban nhân dân xã X giao năm 1993. Bản đồ địa chính phục vụ giải phóng mặt bằng Quốc lộ Y năm 2000 thể hiện không thu hồi vào diện tích đất giao năm 1993, hộ ông ĐXK không phải giải phóng mặt bằng khi thực hiện Dự án cải tạo,

nâng cấp Quốc lộ Y năm 2000. Mảnh trích đo địa chính năm 2015 (Tờ bản đồ số 36, do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định) thể hiện: Chỉ giới thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 cách tim Quốc lộ Y cũ (có trước năm 2000) tại vị trí chiều thẳng với cạnh của thửa đất phía H là 8,25m và tại vị trí chiều thẳng với cạnh của thửa đất phía Tỉnh B là 8,5m. Biên bản làm việc ngày 03/01/2017 với hộ gia đình ông A thể hiện tại vị trí chiều thẳng với cạnh của thửa đất phía H là 2,95m, tại vị trí chiều thẳng với cạnh của thửa đất phía Tỉnh B là 2,2m. Như vậy, diện tích đất do Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 chiếm dụng vào diện tích được Ủy ban nhân dân xã X giao đất làm nhà ở năm 1993 đối với hộ ông Nguyễn Văn A là 12,9m² (nằm ngoài diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông ĐXK năm 1997). Kết quả đo đạc, kiểm tra hiện trạng đã được các thành viên và hộ ông Nguyễn Văn A xác nhận.

Diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Văn A đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y lập phương án tính toán, hỗ trợ đầy đủ theo Văn bản số 528/UBND-ĐC1 ngày 07/02/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố. Ngày 28/9/2017, hộ ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đã nhận đủ tiền theo phương án được duyệt với tổng số tiền là 106.425.000 đồng và đã tháo dỡ tài sản bàn giao mặt bằng. Chủ đầu tư đã tiếp nhận mặt bằng và thi công xong.

Khi thực hiện thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ Y đoạn qua xã X, Ủy ban nhân dân huyện đã giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân xã X thực hiện việc giao các văn bản, giấy tờ cho các hộ gia đình có đất bị thu hồi, trong đó có hộ ông A, bà A1 theo báo cáo Ủy ban nhân dân xã X đã giao cho từng hộ dân.

UBND huyện Y xác định đã phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông Nguyễn Văn A (vợ là Nguyễn Thị A1) đúng quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng thẩm quyền và quy định pháp luật và đã thụ lý giải quyết khiếu nại, ban hành Quyết định số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu là đúng thẩm quyền. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày:

Thông nhất với nội dung trình bày về nội dung của UBND huyện Y. Ngày 10/02/2018, bà A1 có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H thực hiện việc thụ lý, xác minh và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền

quy định của Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 906/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (lần hai). Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã X trình bày:

Nguồn gốc thửa đất của ông ĐXK được Ủy ban nhân dân xã X giao đất trái thẩm quyền năm 1994, Ủy ban nhân dân huyện Y hợp thức hóa, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997 với diện tích 50m² đất ở; đến năm 2009 ông ĐXK chuyển nhượng cho bà Bé, ông Ninh. Việc đo đạc diện tích bị thu hồi, tính toán tiền đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng do Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng và các phòng ban chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện Y và Ban quản lý Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y thực hiện. Ủy ban nhân dân xã X có trách nhiệm phối hợp với các ban ngành tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện theo quy định pháp luật. Khi dự án triển khai thi công từ năm 2016-2017, trên địa bàn xã X có 300 hộ dân có đất hoặc tài sản phải giải tỏa, qua công tác tuyên truyền, vận động, không tổ chức cưỡng chế đối với hộ dân nào. Ngày 23/8/2017, đơn vị thi công phần hành lang quốc lộ Y (đào rãnh thoát nước cũ của quốc lộ Y, rải cát, đá nền đường) tại khu vực C, trong đó có thửa đất của hộ ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1. Theo biên bản hiện trường ghi lại, trong quá trình thi công, bà Nguyễn Thị A1 ra cản trở gây mất an toàn nên tổ công tác đã tuyên truyền, vận động, thuyết phục và mời bà A1 ra khỏi khu vực đang thi công. Ủy ban nhân dân xã X chỉ tham gia bảo vệ an toàn trật tự phục vụ công tác thi công giải phóng mặt bằng, không ảnh hưởng gì đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, tinh thần của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1. Ủy ban nhân dân xã X đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1.

Ông Nguyễn Văn V trình bày: Ngày 23 tháng 8 năm 2017 ông là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã X có tham gia vào cuộc họp giao ban công tác Giải phóng mặt bằng quốc lộ Y tại Ủy ban nhân dân thành phố H, ông Nguyễn Văn V có phân công ông Đỗ Văn T là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã cùng các cán bộ ban ngành trong Ủy ban nhân dân xã phối hợp với cơ quan của huyện thực hiện bảo đảm an ninh trật tự phục vụ thi công dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ Y trên địa bàn xã X, trong đó có vị trí gia đình ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1. Ông đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình với chức trách được giao.

Ông Đỗ Văn T trình bày: Ngày 23 tháng 8 năm 2017 ông là Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã X, được Chủ tịch phân công tham gia, phối hợp với Tổ công

tác của huyện bảo đảm an ninh trật tự phục vụ thi công dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ Y. Quá trình làm nhiệm vụ không xâm phạm đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của công dân, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ông Lê Văn Tuyến trình bày: năm 2017 ông là công chức địa chính xã X, trong thời gian công tác ông Tuyến đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

Bà Đỗ Thị H trình bày: Vào thời điểm năm 2017 bà là Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Y, trong thời gian công tác đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 22/01/2021, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều, Điều 173, Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 66, Điều 69 và Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- *Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A về việc đề nghị:*

+ *Tuyên hủy Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y;*

+ *Tuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (chồng là ông Nguyễn Văn A) (lần đầu) số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y;*

+ *Tuyên hủy Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (lần hai) số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H;*

+ *Tuyên hủy Sơ đồ tính toán diện tích đất thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 (hộ ông Nguyễn Văn A, địa chỉ: Thôn Kênh Trạch, xã X);*

+ *Tuyên hủy Công văn số 1848/UBND-HĐBTGPMB ngày 20/9/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Y;*

+ *Bồi thường bổ sung 52,1m² đất khi thu hồi bồi thường còn thiếu của gia*

đình ông A, bà A1 theo quy định pháp luật;

+ Bồi thường thiệt hại đối với đất và tài sản thuộc hành lang an toàn cho gia đình của ông A, bà A1 theo Điều 94 Luật Đất đai;

+ Bồi thường tổn thất tinh thần 100.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu:

+ Yêu cầu bồi thường chi phí khiếu kiện 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng), trong đó Ủy ban nhân dân xã X phải bồi thường 30.000.000đ; ông Nguyễn Văn V phải bồi thường 30.000.000đ; ông Đỗ Văn T phải bồi thường 33.000.000đ.

- Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Y, Ủy ban nhân dân xã X có văn bản trả lời cho Tòa án việc thực hiện hành vi hành chính ngày 23 tháng 8 năm 2017 đối với gia đình bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A và cơ sở pháp lý của việc thực hiện hành vi này.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông A, bà A1 đã nộp theo biên lai thu số 0008474 ngày 25/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H, ông A, bà A1 còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A phải chịu chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tài sản. Ông A, bà A1 đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Trong thời hạn luật định, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A, bà A1.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Luật sư Vũ Thị Mai PH trình bày bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện Y bổ sung phương án bồi thường cho hộ ông A, bà A1 đối với 52,1m² với đơn giá tại Quyết định số 1574/QĐ - UBND ngày 05/8/2016 của UBND thành phố H và bồi thường thiệt hại do ảnh hưởng hành lang giao thông và thực hiện hỗ trợ theo Quyết định 2680/QĐ - UBND của UBND thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và các yêu cầu buộc UBND huyện Y bồi thường bổ sung diện tích đất còn thiếu, là có cơ sở. Tuy nhiên, người khởi kiện có yêu cầu tuyên bố hành vi cưỡng chế trái pháp

luật, thực tế hành vi này diễn ra trước khi Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ để xác định hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, là có vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy một phần bản án sơ thẩm để giao Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết đảm bảo đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ và tranh tụng tại phiên tòa; sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hộ gia đình ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đang sử dụng một phần đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015. UBND huyện Y ban hành Quyết định thu hồi đất số 1500A/QĐ-UBND ngày 23/3/2017, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình. Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6054/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất; trả lời khiếu nại của hộ gia đình tại văn bản số 1848/UBND ngày 19/9/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017. Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 giải quyết khiếu nại lần 2 đối với hộ ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị A1.

Không đồng ý với các Quyết định hành chính nêu trên, ngày 10/4/2019 ông Nguyễn Văn A, bà A1 khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý giải quyết đơn khởi kiện là đúng quy định của Luật đất đai và Điều 30, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Nội dung trình bày của người khởi kiện tố cáo và yêu cầu xem xét xử lý hành vi hành chính của một số cán bộ Ủy ban nhân dân xã X và lực lượng chức năng của UBND huyện có mặt tại khu đất của gia đình ông A, bà A1 vào ngày 23 tháng 8 năm 2017, cho rằng đã tiến hành cưỡng chế trái pháp luật gây thiệt hại đến sức khỏe, danh dự của bà A1. UBND xã X cho rằng ngày 23/8/2017 chỉ tiến hành công tác bảo vệ thi công đất hành lang giao thông. Với nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định là đối tượng khởi kiện là *hành vi hành chính*, mà chỉ là hành vi hành chính có liên quan và căn cứ quy định tại Điều 6 Luật tố tụng hành chính, kiến nghị để UBND trả lời Tòa án.

Tại đơn kháng cáo, người khởi kiện cho rằng đây là vụ án hình sự và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm khởi tố vụ án chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra.

Sau khi xét xử sơ thẩm, UBND huyện Y và UBND xã X đều có văn bản trình bày, xác định ngày 23/8/2017 cơ quan ban ngành chỉ tiến hành bảo vệ an ninh trật tự để thi công đối với đất hành lang giao thông (đất do UBND quản lý), kèm theo là Biên bản hiện trạng bảo vệ trật tự an toàn thi công lập vào 11

giờ 30 phút ngày 23/8/2017. Nội dung trình bày phù hợp với ý kiến UBND xã X và của các cá nhân tham gia công tác đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm; phù hợp văn bản ngày 26/9/2022, ông Nguyễn Văn V (ngày 23/8/2017 tham gia với tư cách Chủ tịch UBND xã X). Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xác nhận không kháng cáo đối với phần giải quyết của bản án sơ thẩm kiến nghị UBND xã và huyện xem xét trả lời Tòa án về hành vi hành chính có liên quan.

Do vậy, tòa án cấp sơ thẩm không xác định *hành vi cưỡng chế thu hồi đất ngày 23/8/2017* là đối tượng khởi kiện trong vụ án này, là có cơ sở. Ông A bà A1 vẫn có quyền gửi đơn tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật tố cáo. Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc hủy một phần bản án sơ thẩm để xem xét xác định đối tượng khởi kiện về *hành vi hành chính*.

[3] Xem xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính:

[3.1] Ủy ban nhân dân huyện Y đã thực hiện trình tự thủ tục thu hồi đất, ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng thẩm quyền, trình tự quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 69 Luật đất đai.

Chủ tịch UBND huyện Y ban hành Quyết định số 6054/QĐ-UBND theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai.

Theo quy định của Luật Khiếu nại, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017; Công văn số 1848/UBND-HDBTGPMB, ngày 20/9/2017; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 đối với bà Nguyễn Thị A1, là đúng thẩm quyền.

Ủy ban nhân dân huyện Y ban hành Thông báo thu hồi đất số 995/TB-UBND ngày 15/7/2015 đối với hộ bà Nguyễn Thị A1; ngày 25/2/2016 đã lập biên bản kiểm kê; ngày 03/1/2017 đã có biên bản làm việc với đại diện hộ gia đình (ông Vũ Văn Bé) thống nhất xác định chỉ giới thu hồi đất vào vị trí đất UBND xã giao; ngày 23/3/2017 ban hành Quyết định số 1500a/QĐ-UBND về việc thu hồi 12,9m² đất của hộ gia đình. Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, phương án bồi bổ sung bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình đã ban hành đều căn cứ trên kết quả kiểm kê tài sản. Các Thông báo, Quyết định đều được niêm yết công khai tại địa pH theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013.

Việc giải quyết khiếu nại: Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Y, Chủ tịch UBND thành phố H đã thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại, đã tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại và tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại đảm bảo trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại, như bản án sơ thẩm đã nêu.

UBND huyện Y tuy chỉ ban hành công văn số 1848/UBND-HĐGPMB ngày 20/9/2017 nhưng nội dung trả lời đơn kiến nghị của ông A về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, có liên quan đến nội dung khiếu nại của hộ gia đình vợ chồng ông A, bà A1 (tính diện tích đất thực tế thu hồi (chỉ giới giao đất và chỉ giới GPMB, xác định vị trí mép đường) được gắn với việc lập Sơ đồ tính toán diện tích đất thu hồi thực hiện Dự án, đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận xem xét.

[3.2] Xem xét tính hợp pháp về nội dung các Quyết định hành chính:

- Nội dung khiếu nại của hộ gia đình ông A, bà A1 cho rằng nguồn gốc đất là Ủy ban nhân dân xã X giao trái pháp luật cho ông ĐXK 200m² để làm nhà ở (có thu tiền). Tuy nhiên khi giao đất không có vị trí sơ đồ cắm mốc giới, chỉ xác định được thực tế phía trước hướng Bắc giáp đường Y, phía sau là đê, chiều ngang 5m, chiều dài là 40m. Đến năm 1997, ông ĐXK chỉ được cấp đất lần đầu, thửa đất mang số thửa 02 tờ bản đồ 12, diện tích 50m² loại đất ở (5m X 10m). Trích đo lập thửa đất lập năm 1997 và đã cấp chỉ thể hiện thửa đất ở 50m² chiều dài 10 m (vị trí cách tim quốc lộ 26m và cách chân đê 25m). Như vậy theo số liệu đo đạc này thì tổng chiều dài từ tim quốc lộ đến chân đê là 62m.

Năm 2000, UBND huyện Y thực hiện giải phóng mặt bằng mở rộng đường Y, qua đo đạc thể hiện ông ĐXK có sử dụng một phần đất thuộc phạm vi GPMB, nhưng không vào vị trí ranh giới 200m² đất được giao.

Năm 2009, ông ĐXK ký hợp đồng chuyển nhượng 50m² đất đã được cấp cho vợ chồng ông A, bà A1 (BI 134), ông A bà A1 đã có đơn xin cấp đất ngày 17/3/2009 (BI 135) phần đất diện tích 50m². Thực tế ông ĐXK bàn giao toàn bộ nhà đất đang sử dụng cho ông A, bà A1 sử dụng, đến năm 2015, UBND tiếp tục cải tạo mở rộng đường QL10.

Tại biên bản kiểm kê ngày 25/2/2016 (ông A ký xác nhận), xác định diện tích đất gia đình đang sử dụng tính từ giáp mép nhựa hiện trạng đến chỉ giới thu hồi 2015 có chiều rộng 5m X (5,5 + 5,35). Mẫu trích đo địa chính năm 2015 (Tờ bản đồ số 36, do Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường lập đã được Sở tài nguyên và môi trường thẩm định) thể hiện: Chỉ giới thu hồi đất thực hiện Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 cách tim Quốc lộ Y cũ (có trước năm 2000) tại vị trí chiếu thẳng với cạnh của thửa đất phía H là 8,25m và tại vị trí chiếu thẳng với cạnh của thửa đất phía Tỉnh B là 8,5m. Tại biên bản làm việc ngày 03/1/2017, ông A xác nhận theo chỉ giới thu hồi năm 2015 có vào phần đất xã giao là 5 m X (2,95 + 2,2)= 12,9m². Tài sản trên đất của gia đình chỉ có sân bê tông thuộc phạm vi GPMB. Căn cứ vào các liệu trên, UBND huyện Y xác định trong phần đất gia đình đang sử dụng thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng

chỉ có 12,9m² thuộc phạm vi 200m² đất UBND xã X giao trái thẩm quyền vào năm 1993 nhưng ngoài phạm vi 50m² đất đã cấp GCNQSD đất năm 1997. Do vậy, không đủ điều kiện để bồi thường 100% về đất và tài sản trên đất cho hộ gia đình, nhưng thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ và hướng dẫn tại Công văn 2 ngày 07/2/2017 của UBND thành phố H, UBND huyện Y đã hỗ trợ cho gia đình 100% giá đất ở; Về tài sản trên đất hành lang giao thông được hỗ trợ 30% giá trị; trên đất được giao được bồi thường 100%. Như vậy, quyền lợi của gia đình được bảo đảm đúng quy định.

Sơ đồ tính toán diện tích đất thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 đối với hộ ông Nguyễn Văn A phù hợp với các biên bản đo đạc, biên bản làm việc với ông A. Sơ đồ chỉ thể hiện đo từ mép đường hiện trạng đến hết chỉ giới đất xã giao cho gia đình, trong đó thể hiện phần đất hành lang (UBND xã quản lý), đất thu hồi thuộc phần đất xã giao, đất còn lại của gia đình thuộc chỉ giới xã giao, vẫn đủ 200m².

Để giải quyết khiếu nại của ông A, bà A1, UBND huyện Y đã đo đạc, đối chiếu lồng ghép các bản đồ địa chính, bản đồ thu hồi đất năm 2010, năm 2015 để xác định hiện trạng sử dụng đất của gia đình còn lại sau thu hồi vẫn đảm bảo diện tích 200m² theo chỉ giới UBND xã giao trái thẩm quyền. Tại Điều 2 Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 906/QĐ-UBND ngày 16/4/2019, Chủ tịch UBND thành phố H có nội dung: *Giao UBND huyện Y kiểm tra, đo đạc phần diện tích còn lại đảm bảo đủ diện tích đất ở như hồ sơ địa chính đã lập khi kê khai thực hiện Dự án...; lập trích đo và xác minh nguồn gốc đất, đăng ký biến động đất đai cho hộ bà A1 theo quy định.*

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ với sự tham gia của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Y. Theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ở của gia đình ông A (lập ngày 04/01/2021) do Văn phòng cung cấp, thực tế chiều ngang thửa đất đủ 5m, chiều dài đang sử dụng từ mép cống phía giáp đường Y đến rãnh nước, vẫn đảm bảo đủ diện tích 200m² trước đây giao (trái thẩm quyền). Bà A1 khiếu nại cho rằng thiếu 52,1 m² đất đã thu hồi, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Qua rà soát xem xét lại hồ sơ đất đai và mốc giới thu hồi qua các thời kỳ, hiện trạng đất sau thu hồi, Chủ tịch UBND thành phố H đã trả lời bà A1, giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y, là có căn cứ.

Bà A1, ông A kháng cáo và xuất trình tờ Mặt bằng hiện trạng thửa đất lập tháng 5/2020 (gia đình tự mời đến chỉ mốc giới đo đạc) để cho rằng UBND đo đạc tính thiếu diện tích đất (sau khi trừ đi hành lang an toàn giao thông và bảo vệ đê), Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng do việc lại quả đo đạc không phải của cơ quan có thẩm quyền và căn cứ mốc giới gia đình đưa ra nên không bảo đảm tính hợp pháp để xem xét chấp nhận.

Hộ gia đình không chấp hành quyết định thu hồi đất, mặc dù UBND xã X, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã X nơi có đất của gia đình bà A1, ông A

bị thu hồi và tổ công tác làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đã vận động, thuyết phục, ngày 19/9/2017 UBND huyện Y đã ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 6-54/QĐ-UBND là đúng quy định tại Điều 71 của Luật Đất đai. Nhưng đến ngày 28/9/2017, hộ ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị A1 đã nhận đủ tiền theo phương án được duyệt với tổng số tiền là 106.425.000 đồng và đã tháo dỡ tài sản, vật kiến trúc, bàn giao mặt bằng.

[3.3] Người khởi kiện có yêu cầu bồi thường chi phí khiếu kiện 93.000.000 đồng, nhưng đã rút yêu cầu này nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ là đúng quy định tại khoản 2 Điều 173 của Luật Tố tụng hành chính.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 100.000.000 đồng nhưng tại cấp sơ thẩm không nêu rõ là do Quyết định hành chính, hành vi hành chính nào gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện xác định các thiệt hại này là tổn thất đối với các hành vi gây ra với bà A1 vào ngày 23/8/2017. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy với phân tích nêu trên về đối tượng khởi kiện hành vi hành chính, thì bản án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính và buộc người khởi kiện phải chịu án phí dân sự (5.000.000 đồng), là không phù hợp, nên cấp phúc thẩm sửa phần bản án sơ thẩm để bảo đảm quyền lợi cho người khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241, khoản 2 Điều 349 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 22/01/2021 của Tòa án nhân dân thành phố H:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 30; Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 173, Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Điều 66, Điều 69, Điều 71, Điều 204 Luật Đất đai 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A về việc yêu cầu hủy: Quyết định về việc cưỡng chế thu hồi đất số 6054/QĐ-UBND ngày 19/9/2017 của Chủ tịch UBND nhân dân huyện Y; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Ninh (chồng là ông Nguyễn Văn A) số 7469/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện Y; Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị A1 (lần hai) số 906/QĐ-CT ngày 16/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H; Sơ đồ tính toán diện tích đất thu hồi thực hiện dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ Y năm 2015 (hộ ông Nguyễn Văn

A, địa chỉ: Thôn K, xã X); Công văn số 1848/UBND-HĐBTGPMB ngày 20/9/2017 của UBND huyện Y.

Bác yêu cầu bồi thường bổ sung 52,1m² đất khi thu hồi bồi thường còn thiếu, yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với đất và tài sản thuộc hành lang an toàn cho gia đình của ông A, bà A1 theo Điều 94 Luật Đất đai.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường chi phí khiếu kiện 93.000.000 đồng (UBND xã X là 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn V là 30.000.000đ; ông Đỗ Văn T là 33.000.000đ).

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm ông A, bà A1 đã nộp theo Biên lai thu số 0008474 ngày 25/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố H, ông A, bà A1 còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị A1, ông Nguyễn Văn A phải chịu chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tài sản (Ông A, bà A1 đã nộp đủ).

2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả bà Nguyễn Thị A1 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Biên lai số 0019237 ngày 29/01/2011.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân H